Thành phố Quảng Ninh

Phụ lục 01

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ VỊ TRÍ TẠI BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 100/2025/NQ-HĐND NGÀY 16/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố Quảng Ninh)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất ở tại đô thị theo Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026				Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
2	**XÃ THỐNG NHẤT**								
4	Đường Quốc Lộ 279								
4.1	Đoạn giáp ranh phường Hoành Bồ đến thửa 153 TBĐ 320	6.800				1,41			
4	**XÃ TIÊN YÊN**								
1	Đường Quốc lộ 18A								
1.1	Từ giáp nhà Sinh hoạt cộng đồng thôn Long Tiên cũ đến hết địa phận xã (bám QL 18A), giáp thôn Khe Tiên, xã Điền Xá	3.000	700	400	250	2,34	4,52	5,78	8,42
1.2	Từ cầu Khe Tiên đến nhà Sinh hoạt cộng đồng thôn Long Tiên cũ	4.500	700	400	250	2,11	5,08	6,43	9,24
3.1	Từ cầu Khe Tiên đến chân dốc Long Châu (Giếng Tiên Quốc lộ 4B đi Mũi Chùa)	3.000	2.000	1.000	500	3,12	2,57	3,28	5,44
3.2	Từ chân dốc Long Châu (Giếng Tiên) đến đường vào thôn Cái Mắt cũ	2.000	700	400	200	3,39			
3.3	Từ đường vào thôn Cái Mắt cũ đến cảng Mũi Chùa	2.500	700	400	200	2,71			
18	Đường QL18A cũ								
18.2	Từ trường tiểu học đến đường rẽ cầu Đồng Châu	3.000	800	500	200	2,57	3,71	5,00	10,17
5	**XÃ ĐIỀN XÁ**								
1	Khu vực thôn Khe Tiên (từ tiếp giáp xã Tiên Yên đến tiếp giáp địa phận xã Hải Lạng và đến giáp thửa đất số 170, tờ bản đồ số 265 (thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Vụ)	2.500	350	250	200	1,80			
2	Quốc lộ 4B								
2.2	Đoạn bám đường quốc lộ 4B từ thửa đất số 271 (nhà bà Vũ Thị Nga giáp đường rẽ nhà văn hóa Tài Tùng), tờ BĐ số 259 đến thửa đất số 254 tờ BĐ số 247 (Trường TH&THCS Yên Than)	600	350	250	200	6,42			
2.3	Đoạn bám đường quốc lộ 4B từ thửa đất số 254 (Trường TH&THCS Yên Than), tờ BĐ số 247 đến thửa đất số 10 tờ BĐ số 258 giáp đường rẽ đi Tiên Hải	400	350	250	200	8,52	5,19		
2.4	Đoạn từ thửa 423 (thửa đất nhà ông Đinh Văn Lý giáo đường đi Tiên Hải) tờ 258 đến thửa 255 (Trường TH&THCS Điền Xá) tờ 180	400	350	250	200	8,52	5,19		
2.5	Đoạn từ thửa đất số 254 (Trường TH&THCS Điền Xá), tờ BĐ số 247 đến hết địa giới xã Điền Xá, giáp tỉnh Lạng Sơn	380	350	250	200	7,14			
6	Từ Quốc lộ 18A cũ vào UBND xã Yên Than cũ đi hết địa phận xã (giáp thị trấn cũ)	700	350	250	200	5,75	5,82	6,90	
9	**XÃ KỲ THƯỢNG**								
2	Đường tỉnh 342								
2.3	Đất ở bám 2 bên đường tỉnh 342 (thôn Khe Lương và thôn Khe Tre)	1.000	700	500	300	1,20	1,30	1,50	2,00

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất ở tại đô thị theo Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026				Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
10	Điểm dân cư thôn Hồng Tiến: Đường liên xã 342 - Lương Minh - DT 330 (địa phận xã Đạp Thanh cũ) (bám mặt đường)	500				2,30			
10	**XÃ BA CHẼ**								
6	Đường 4 tháng 10								
6.2	Từ Trung tâm Dịch vụ KTNN đến nhà Nghiêm Thắm + Đoạn từ nhà ông Nịnh Quang đến Bắc Cầu Ngầm (thôn 7)	5.000	3.000	2.000	1.000	1,61			
12	Phố Tân Sơn: Từ giáp nhà sau nhà ông Nịnh Quang đến giáp ngã ba đường 4 tháng 10 (thôn 7)	6.000	4.000	2.500	1.000	1,42			
12	**XÃ ĐẦM HÀ**								
1	Khu phố: Lê Lương, Hà Quang Vóc, Bắc Sơn, Lê Hồng Phong, Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Ngân, Trần Phú, Lý A Coỏng, Chu Văn An								
1.2	Đường QL18A								
1.2.1	Đất bám đường QL 18A từ nhà bà Phạm Thị Chung đến nhà Tám Tiếp	5.800				2,50			
1.2.2	Đất bám đường QL 18A từ nhà Tám Tiếp đến cầu bê tông mới	6.800				2,40			
1.2.3	Đất bám đường Quốc lộ 18A từ cầu bê tông mới đến đến giáp cây xăng Bình Ngọc	6.000				2,02			
2	8 thôn: Tân Hà, Tân Tiến, Tân Lương, Tân Trung, Cái Giá, Bình Hải, Bình Nguyên, Tân Thành								
2.1	Đường Quốc lộ 18A đoạn từ giáp phố Chu Văn An đến đỉnh dốc Ba tầng	4.300				2,49			
2.2	Đường Quốc lộ 18A đoạn từ đỉnh dốc Ba tầng (nhà ông Biền) đến ngã ba rẽ vào hồ Tân Bình	4.000				2,50			
4	Các thôn: Thái Lập, Đông Hà, Tân Hợp, Hà Lai, Phúc Tiến, Tân Mai, Tân Phú, Lập Tân								
4.1	Đường quốc lộ 18A từ giáp phố Trần Phú đến cầu Khe Mắm	4.000				2,98			
13	**XÃ QUẢNG HÀ**								
23	Đường Trần Hưng Đạo: từ lối rẽ sân vận động đến hết cầu Khe La	2.500	600	320	300			8,27	8,38
39	Đất bám đường từ đường Tô Rây đến giáp xã Đường Hoa	700	350	320	260	8,02	6,48		
15	**XÃ QUẢNG ĐỨC**								
1	Quốc lộ 18A								
1.2	Đất bám đường Từ giáp lối rẽ kho quân khí đến chân dốc cầu Quảng Thành 2	1.200	350	300	250	2,53	6,37	6,50	
1.3	Đất bám đường Từ chân cầu Quảng Thành 2 đến giáp xã Hải Ninh	600	300	280	250	3,33	4,23	4,11	
2	Quốc lộ 18B								
2.1	Đất bám đường QL18B đến đỉnh dốc cổng trời	300	280	250	200	5,27			
2.3	Từ nhà Hồng Hoà đến thôn Mả Thầu Phố	600	300	280	200	2,15	3,00	2,86	3,55
5	Đất bám đường Từ ngã 4 chợ chiều đến giáp xã Quảng Hà	600	350	300	250	4,34	5,91	6,50	
6	Đất bám đường Từ ngã 4 chợ chiều đến hết thôn Hải An	800	350	300	250	3,33			